TOÀ ÁN ND TP THÁI NGUYÊN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 316 /2019/QĐST-HNGĐ	*Thái Nguyên, ngày 18 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 239/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2019, giữa:

+Nguyên đơn**: Anh Trần Khánh B**, sinh năm 1985;

ĐKHK: Tổ 15, phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên;

Nơi ở: Tổ 4, phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên;

+ Bị đơn: **Chị Mai Bích T,** sinh năm 1988;

ĐKHK và ở: Tổ 15, phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51,55,58,81,82,83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 146 , Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326 /2016 /UBTV QH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành **ngày 10 tháng 6 năm 2019.**

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày **10 tháng 6 năm 2019** là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Khánh B và chị Mai Bích T;

2**.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

-Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Khánh B và chị Mai Bích T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và thuận tình ly hôn;

-Về con chung: Anh B trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Trần Minh T, sinh ngày 28/01/2008 và Trần Khánh L, sinh ngày 04/6/2012; Chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Tuệ A , sinh ngày 18/12/2016 đến khi con tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Hai bên có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung;

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T cấp dưỡng nuôi dưỡng cháu Linh cùng Anh B là 1.000.000đ (một triệu đồng) /tháng. Thời điểm cấp dưỡng từ tháng 7/2019.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực, Anh B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Chị T không tự nguyện thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con nói trên thì hàng tháng Chị T còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự , thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án;

-Tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về án phí: Anh B tự nguyện nộp 150.000 đồng án phí ly hôn và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm để nộp vào Ngân sách Nhà nước (chuyển từ Tiền tạm ứng án phí- lệ phí sang, theo biên lai thu số 0001504 ngày 01/4/2019 do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên lập);

3**.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- VKSND TPTN;
- TAND tỉnh TN;
- T.H.A DS TPTN;
- Các đương sự;
- UBND p.Gia Sàng,TPTN;
-Lưu HS;

THẨM PHÁN

Hoàng Thúy Kiên